

Bản án số: 46 /2017/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 12 năm 2017

“Vụ án ly hôn giữa chị Bùi Thị T1

và anh Nguyễn Xuân T2”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kinh

2. Bà Đào Tuyết Thanh

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Ánh – Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Lan – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2017 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T1, sinh năm 1977***

ĐKKHKT tại: Số X ngõ T phố B, phường C, quận H, Hà Nội, có mặt.

**** Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1976***

ĐKKHKT tại: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở hiện tại: Số X ngõ T phố B, phường C, quận H, Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2017, bản tự khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn chị Bùi Thị T1 trình bày:***

Về tình cảm: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân T2 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, Hà Nội ngày 26/02/2003.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, anh T2 thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần và đánh đập vợ con. Có lần chủ nợ đến nhà đòi nợ vứt cả rác thải trước cửa nhà, sau đó chị T1 đã phải trả nợ thay cho anh T2. Năm 2012, chị T1 đã nộp đơn xin ly hôn đến Toà án, sau đó Toà án hoà giải, chị T1 rút đơn về. Tuy nhiên sau đó anh T2 vẫn tiếp tục chơi cờ bạc, chửi bới vợ con nên tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Khi phát hiện ra anh T2 chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, anh T2 uống rượu say và có đánh chị T1, quấy nhiễu khiến chị T1 không thể ngủ được. Do đó, chị T1 phải sang nhà bạn ngủ nhờ để tránh va chạm, nhưng anh T2 tìm đến tận nhà bạn chị T1 chửi mắng, chị T1 lại phải chuyển sang ở nhờ nhà người bạn khác. Nay tình cảm của chị T đối với anh T2 không còn, vợ chồng không thể hoà giải mâu thuẫn để đoàn tụ, cuộc sống chung

giữa vợ chồng hết sức căng thẳng, mệt mỏi nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T2 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 13/3/2003 và Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 05/7/2008.

Khi ly hôn, chị T1 có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 2 con chung và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà đất ở: Anh chị không có tài sản, nhà đất ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp, khiếu kiện gì. Nhà đất tại địa chỉ: Số X ngõ T phố B, phường C, quận H, Hà Nội không phải tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ chung của ai và cũng không cho ai vay nợ.

**Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2017 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Xuân T2 trình bày:* Xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T1 trình bày là đúng, xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh thường xuyên uống rượu bia, chơi cờ bạc dẫn đến thua nợ và có lần đánh vợ. Anh T2 xác nhận vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh mãi chơi cờ bạc. Chị T1 đã nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tháng 3/2017, gia đình vẫn sống vui vẻ, cùng nhau đi ăn tối. Lúc về anh ra đầu phố uống cà phê, xem bóng đá, do ham vui nên anh có chơi cá độ bóng đá, lúc đầu chỉ chơi cho vui, sau vì thua nên ham gỡ nhưng càng thua nhiều hơn. Vì sợ vợ biết nên anh giấu không cho chị T1 biết. Chiều hôm sau chủ nợ nhắn tin số tiền nợ là 90.000.000 đồng. Chị T1 có đọc tin nhắn phát hiện ra việc anh cá độ thua nợ nên chị T1 bỏ đi mấy ngày mới về. Anh có uống bia nên xô xát và vô tình lỡ tay va vào cằm chị T1 dẫn đến thâm tím cằm. Từ đó chị T1 không gặp anh và gửi đơn ly hôn đến Tòa án. Hiện tình cảm của anh với chị T1 vẫn còn, không muốn ly hôn làm khổ con cái. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 13/3/2003 và Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 05/7/2008. Nếu ly hôn, anh T2 đồng ý để chị T1 được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung theo nguyện vọng của các con. Anh đề nghị tạm hoãn việc đóng góp nuôi con chung đối với anh do hiện nay công việc của anh không ổn định.

Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nhà đất ở chung của vợ chồng: Không có. Anh xác nhận nhà đất tại địa chỉ: Số X ngõ T phố B, phường C, quận H, Hà Nội không phải là tài sản chung của vợ chồng, anh cũng không có đóng góp công sức, sửa chữa gì vào tài sản này. Ly hôn anh sẽ tự lo chỗ ở khác không có tranh chấp, khiếu kiện gì.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ chung ai và cũng không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T2 ly hôn để ổn định cuộc sống vì chị không còn tình cảm, lòng tin, sự tôn trọng với anh T2 và giữ nguyên quan điểm về các vấn đề khác.

Bị đơn trình bày xác nhận có việc ham vui rượu bia, cờ bạc mong chị Tỏ qua để vợ chồng đoàn tụ, để con cái không bị mang tiếng, nếu chị T1 vẫn kiên quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện tại công việc anh chưa ổn định, nếu ly hôn anh nhất trí để hai con cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có; Về nhà, đất ở chung: Không có. Nhà đất tại địa chỉ: Số X ngõ T phố B, phường C, quận H, Hà Nội không phải là tài sản chung của vợ chồng, anh không có yêu cầu, không có tranh chấp, khiếu kiện gì. Nếu ly hôn anh sẽ tự lo nơi ở khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Cụ thể: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; Thực hiện đúng các thủ tục tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án chậm 56 ngày theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về điều khiển phiên tòa; Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định, các quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tình cảm: Xét thấy, chị Bùi Thị T1 và anh Nguyễn Xuân T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và qua xác minh, xét thấy quá trình chung sống, vợ chồng chị có xảy ra mâu thuẫn, anh T2 là người thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rượu bia, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Tháng 4/2012, chị T1 đã có đơn ly hôn gửi Tòa án vì nguyên nhân mâu thuẫn trên, sau đó chị T1 rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tháng 5/2017, chị T1 tiếp tục gửi đơn xin ly hôn với anh T2. Anh T2 cũng xác nhận lý do chị T xin ly hôn lần này cũng là do anh chơi cá độ bóng đá bị thua, có bức xúc và đánh vợ do uống rượu bia. Nhưng anh T2 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng không thể giải quyết, anh vẫn còn tình cảm với chị T1 nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Chị T1 kiên quyết xin ly hôn vì không còn lòng tin, không còn tình cảm với anh T2.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Xét anh T2 đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, chị T1 không còn tình cảm, lòng tin và sự tôn trọng với anh T2, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để

đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị T1 với anh T2.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 13/3/2003 và Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 05/7/2008. Khi ly hôn, chị T1 có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T2 đóng góp nuôi con. Theo quy định của pháp luật, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con chưa thành niên. Xét thấy hai cháu hiện đang sinh sống ổn định, có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ, anh T2 cũng đồng ý để chị T1 được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và tạm hoãn việc đóng góp nuôi con do công việc chưa ổn định. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giao hai cháu Nguyễn Thị Trà G và Nguyễn Tuấn M cho chị Bùi Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T1 không yêu cầu anh Nguyễn Xuân T2 phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung*: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung, không có tranh chấp, khiếu kiện gì nên Tòa không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Bùi Thị T1 đối với anh Nguyễn Xuân T2.

2. Chị Bùi Thị T1 được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T2.

3. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 13/3/2003 và Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 05/7/2008. Giao hai cháu Nguyễn Thị Trà G, Nguyễn Tuấn M cho chị Bùi Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Xuân T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T1 không yêu cầu anh Nguyễn Xuân T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Xuân T2 kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi có sự thay đổi khác.

5. Về tài sản chung; nhà, đất ở; công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 01993 ngày 01/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Cao Văn Thắng